TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 33/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27/9/2024
"V/v ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Ngọc Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Minh Tuấn; ông Vũ Quốc Phòng

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên: bà Lê Thị Minh Hoa - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXX-ST ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992; địa chỉ: tổ dân phố T, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

*** Bị đơn:** Anh Phạm Văn N1, sinh năm 1990; nơi ĐKNKTT: tổ dân phố T, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam N4; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bầy: Chị đăng ký kết hôn với anh Phạm Văn N1 vào ngày 26/3/2009 tại UBND xã Y, huyện D, tỉnh Hà Nam trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng không hoà hợp dẫn đến mâu thuẫn không thể hàn gắn được, vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh N1.

Bị đơn anh Phạm Văn N1 trình bày: anh kết hôn với chị Nguyễn Thị N trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại UBND xã Y vào ngày 26/3/2009.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng có một số quan điểm bất đồng, trong thời gian anh phải chấp hành án chị N ít lên thăm nom động viên, nay chị N xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn N1 cùng trình bày vợ chồng có ba con chung là Phạm Phương N2 sinh ngày 16/10/2010, Phạm Trung Hiếu sinh ngày 08/7/2012 và Phạm Khánh N3 sinh ngày 04/11/2018. Khi ly hôn chị N xin nuôi cả ba con chung và không yêu cầu anh N1 phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh N1 đồng ý để chị N nuôi các con chung vì anh đang phải chấp hành án phạt tù nên anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các con chung: Phạm Phương N2, Phạm Trung H trình bày có nguyện vọng muốn ở với mẹ.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng và đề nghị xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn N1. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là Phạm Phương N2 sinh ngày 16/10/2010, Phạm Trung Hiếu sinh ngày 08/7/2012 và Phạm Khánh N3 sinh ngày 04/11/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh N1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ, công sức: không giải quyết và tuyên án phí theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phat biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa vắng mặt chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn N1 tuy nhiên các đương sự đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, HĐXX căn cứ điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N, anh N1.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn N1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện D, tỉnh Hà Nam đăng ký kết hôn vào ngày 26/3/2009 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo hộ.

Sau thời gian chung sống giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn là thực tế các bên đã thừa nhận, nguyên nhân do vợ chồng không hoà hợp nên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nay chị N xin ly hôn thì anh N1 cũng đồng ý.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã tồn tại trong một thời gian mà không được cải thiện, nay đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn N1 là phù hợp thực tế và có căn cứ pháp luật.

[3] *Về con chung:* Vợ chồng có ba con chung là Phạm Phương N2 sinh ngày 16/10/2010, Phạm Trung Hiếu sinh ngày 08/7/2012 và Phạm Khánh N3 sinh ngày 04/11/2018; xét thấy hiện nay anh Phạm Văn N1 đang chấp hành án phạt tù tại trại giam nên không thể có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì thế cần giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung; về cấp dưỡng nuôi con: do chị N không yêu cầu nên anh N1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí ly hôn:* chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ, chị được đối trừ tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:
- Điều 28; 35; 39, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;
- Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn N1.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là Phạm Phương N2 sinh ngày 16/10/2010, Phạm Trung Hiếu sinh ngày 08/7/2012 và Phạm Khánh N3 sinh ngày 04/11/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh N1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N, anh N1 được quyền thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị N và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh N1 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị N đã nộp theo biên lai số 0001146 ngày 05/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên được đối trừ khi thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm; chị Nguyễn Thị N, anh Phạm Văn N1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7và 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hà Nam.*
- *VKSND Duy Tiên.*
- *Chi cục THA Duy Tiên.*
- *UBND phường Hoà Mạc;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

TRẦN NGỌC THUẬN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi..... giờ.....phút, ngày 30 tháng 5 năm 2024

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc T.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh T1; Ông Vũ Quốc P

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 22/2024/TLST–HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1998; nơi ĐKNKTT: tổ dân phố Q, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: thôn C, thị trấn T, huyện B, thành phố Hà Nội. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Xuân T2, sinh năm 1995; nơi ĐKNKTT: tổ dân phố Q, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam N5; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ:

- Điều 28; 35; 39; 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;
- Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Xuân T2.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Nhật M sinh ngày 29/10/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H1, anh T2 được quyền thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị H1 và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T2 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000đ. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị H1 đã nộp theo biên lai số 0001067 ngày 11/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên được đối trừ khi thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm; Chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Xuân T2 vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.